

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2024

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thanh

Ông Hoàng Văn Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Lý Văn P, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn P sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân vào năm 2014. Anh chị được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục của người Dao. Tuy nhiên vì không hiểu biết pháp luật nên anh chị đã không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại nhà ông Lý Văn Đ là bố đẻ của anh Lý Văn P ở thôn T, xã Y. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 2 năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P hay rượu chè, không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, trong gia đình luôn bất hòa. Anh chị ly thân nhau đã 3 năm nay, chị về ở với em cậu cùng thôn, hai bên không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy chị đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P.

- Về con chung: Anh chị có 1 người con chung tên là Bàn Văn L, sinh ngày 28/01/2015. Cháu L hiện đang ở với bố từ khi vợ chồng ly thân. Chị có nguyện vọng để cháu L cho anh P nuôi. Chị không đóng góp tiền phụ cấp nuôi con vì tất cả tài sản chị và anh P làm ra chị tự nguyện để lại tài sản cho anh P để anh P nuôi con.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh chị không có tài sản chung gì có giá trị, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai, biên bản hoà giải và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lý Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị N sau một thời gian tự do tìm hiểu thì đã tiến tới hôn nhân vào năm 2014. Anh chị được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục của người Dao. Tuy nhiên vì không hiểu biết pháp luật nên anh chị đã không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới anh chị về chung sống với nhau tại nhà anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N tự ý bỏ đi, không chung sống với anh nữa. Anh chị ly thân nhau đã 4 năm nay, hai bên không ai quan tâm gì đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng kéo dài, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy anh đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

- Về con chung: Anh chị có 1 người con chung tên là Bàn Văn L, sinh ngày 28/01/2015. Hiện cháu L đang do anh nuôi dưỡng nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị N không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Chị Bàn Thị N và anh Lý Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới chị N và anh P cư trú tại thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Cách đây 3-4 năm anh chị không chung sống với nhau nữa, chị N về nhà người thân ở còn anh P ở với bố mẹ tại địa phương. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chị N và anh P có với nhau 01 con chung tên là Bàn Văn L, sinh ngày 28/01/2015, hiện đang ở với anh P. Chị N và anh P ở cùng nhà bố mẹ để anh P là ông Lý Văn Đ nên chưa có tài sản chung, đất đai chung. Chị N và anh P cũng không có vay nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hoà giải về vấn đề con chung. Tại buổi hoà giải, chị **N** và anh **P** thống nhất thoả thuận về vấn đề con chung như sau: Giao con chung là cháu **Bàn Văn L**, sinh ngày 28/01/2015 cho anh **P** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tại phiên tòa chị **N** và anh **P** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày tại Bản tự khai và các tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 12 Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Bàn Thị N**:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Bàn Thị N** và anh **Lý Văn P**.

+ Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu **Bàn Văn L**, sinh ngày 28/01/2015 cho anh **Lý Văn P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Bàn Thị N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị **Bàn Thị N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho chị **N** do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị **Bàn Thị N** khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh **Lý Văn P**, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **P** có hộ khẩu thường trú tại **thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**. Do đó Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bàn Thị N** và anh **Lý Văn P** chung sống như vợ chồng từ năm 2014 mà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tình cảm giữa chị **N** và anh **P** ban đầu bình thường, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau, anh chị đã ly thân nhau 3-4 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Chị **N** xác định không còn tình cảm với anh **P** nên đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai người. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù chị **N** và anh **P** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **N** và anh **P** là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị **N** và anh **P** có 01 con chung là cháu **Bàn Văn L**, sinh ngày 28/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án, anh **P**, chị **N** đều nhất trí để anh **P** là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị **N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **Bàn Văn L** cũng có nguyện vọng sống cùng bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự về con chung, giao cháu **Bàn Văn L**, sinh ngày 28/01/2015 cho anh **P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị **Bàn Thị N** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh **Lý Văn P** không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Bàn Thị N**.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Bàn Thị N** và anh **Lý Văn P**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về con chung như sau: Giao con chung là cháu **Bàn Văn L**, sinh ngày 28/01/2015 cho anh **Lý Văn P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **Bàn Thị N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị **Bàn Thị N**. Bị đơn anh **Lý Văn P** không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc

